

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÓN QUẢN Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 8 – 2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quang Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2024/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân Q, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Chị T và anh Q kết hôn năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2023. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, lo lắng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, hiện nay đã không còn chung sống cùng nhau nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Xuân Q.

Quá trình chung sống chị T và anh Q không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản trình bày ý kiến anh **Phạm Xuân Q** trình bày:

Anh **Q** và chị **T** kết hôn năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **H**, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có sự quan tâm lo lắng cho nhau nên anh **Q** và chị **T** đã không còn chung sống cùng nhau. Nay chị **T** yêu cầu ly hôn thì anh **Q** đồng ý.

Quá trình chung sống chị **T** và anh **Q** không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Hồ sơ vụ án thể hiện chị **T** và anh **Q** đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và thống nhất yêu cầu ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị **T** và anh **Q** ly hôn. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị **T** yêu cầu ly hôn với anh **Phạm Xuân Q**, bị đơn có nơi cư trú tại huyện **H**, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chị **T** và anh **Q** có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **Q** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2023 theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2023 của Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **H**, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị **T** xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau nên yêu cầu ly hôn. Anh **Q** cũng thừa nhận giữa anh chị có mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn. Xét nguyện vọng của hai đương sự, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phạm Xuân Q ly hôn.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q1:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T ly hôn với anh Phạm Xuân Q.

- Về con chung: Không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005055 ngày 06/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- CCTHADS huyện Hớn Quản;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Học

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Vương Phạm Thị Thanh Hương

Nguyễn Đình Học